

Số: 566 /TB-CHKPK

Pleiku, ngày 15 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

**V/v: Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ 06 tháng cuối năm 2025
cho 02 xe cứu hỏa tại Cảng hàng không Pleiku**

Cảng hàng không Pleiku tổ chức mời chào giá rộng rãi hạng mục “Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ 06 tháng cuối năm 2025 cho 02 xe cứu hỏa tại Cảng hàng không Pleiku”. Đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm nghiên cứu và gửi báo giá theo các yêu cầu sau đây:

1. Yêu cầu về báo giá:

- Yêu cầu đối với hàng hóa, dịch vụ:

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
I- Bảo dưỡng, sửa chữa xe cứu hỏa Rosenbauer				
1	Lọc nhớt động cơ Caterpillar 1R1808 (hoặc tương đương 1R0716)	Cái	02	
2	Lọc nhiên liệu sơ cấp Caterpillar 1R0749	Cái	01	
3	Lọc nhiên liệu thứ cấp Caterpillar 5134490	Cái	01	
4	Nhớt động cơ, bơm mỡ Castrol 15W40 CK4 CRB Turbomax (18l/thùng)	Thùng	03	
5	Mỡ bôi trơn Caterpillar NLGI 454-0291 390g/tuýp	Tuýp	02	
6	Cụm van điều khiển mở nước từ bồn vào bơm Butterfly valve DN65 PN16 P/N 858920-002	Bộ	01	
7	Chi phí công bảo dưỡng tổng thể thay thế hoàn thiện toàn bộ vật tư ở phần trên, vận hành bàn giao tại Cảng hàng không Pleiku	Gói	01	
II – Bảo dưỡng, sửa chữa xe cứu hỏa Titan 4x4				
1	Lọc nhớt động cơ Donaldson P551670	Cái	01	



2	Lọc nhiên liệu sơ cấp Donaldson P550747	Cái	01	
3	Lọc nhiên liệu thứ cấp Donaldson P556916	Cái	01	
4	Nhớt động cơ, bơm mỡ Castrol 15W40 CK4 CRB Turbomax (18l/thùng)	Thùng	02	
5	Mỡ bôi trơn Caterpillar NLGI 454-0291 (390g/tuýp)	Tuýp	02	
6	Chi phí công bảo dưỡng tổng thể thay thế hoàn thiện toàn bộ vật tư ở phần trên, vận hành bàn giao tại Cảng hàng không Pleiku	Gói	01	

- Nội dung bảo dưỡng định kỳ 06 tháng theo file đính kèm.
- Vật tư mới 100% chưa qua sử dụng, đúng số lượng, chủng loại.
- Có đầy đủ CO, CQ của các vật tư nhập khẩu.
- Chịu trách nhiệm bảo hành 06 tháng các hư hỏng do lỗi vật tư và lắp đặt.
- Thời gian, địa điểm giao hàng/ thực hiện dịch vụ: Trong vòng 20 ngày cho phần công việc bảo dưỡng định kỳ, 80 ngày cho phần công việc sửa chữa thay thế cụm van mở nước kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Giá: Đề nghị chào giá trọn gói, bao gồm chi phí vật tư, thuế VAT, chi phí vận chuyển bàn giao và thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa tại Cảng hàng không Pleiku. Đồng tiền chào giá, thanh toán: VNĐ.
- Thanh toán:
 - + Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.
 - + Điều kiện thanh toán: Thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày sau khi Bên bán nộp đầy đủ chứng từ quy định sau cho Bên mua:
 - Biên bản bàn giao nghiệm thu
 - Biên bản thanh lý hợp đồng
 - Hoá đơn tài chính
- Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ thời điểm báo giá.
- Báo giá phải được ký bởi đại diện có thẩm quyền cơ quan, đơn vị, đóng dấu (nếu có).

2. Thời hạn, địa điểm gửi báo giá

- Thời hạn gửi báo giá: Bắt đầu nhận báo giá từ ngày 16 / 09 /2025 đến trước 16 giờ 00 ngày 23 / 09 /2025.
- Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ nhận báo giá hoặc gửi fax, email (scan file .PDF).
- Địa điểm nhận báo giá:



- Địa chỉ: Cảng hàng không Pleiku, đường 17/3, Phường Thống Nhất, Tỉnh Gia Lai.
- Fax: 02693.825096
- Email: vanthu.pxu@acv.vn

3. Thông tin liên hệ

- Đội Kỹ thuật - Cảng hàng không Pleiku
- Số điện thoại: 098.463.3211
- Người liên hệ: Vũ Viết Thanh

4. Yêu cầu đối với nhà cung cấp:

- Có đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hoạt động hợp pháp.
- Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Cảng hàng không Pleiku và Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.



Nguyễn Đình Hương



NỘI DUNG BẢO DƯỠNG XE CHỮA CHÁY

TT No	NỘI DUNG BẢO DƯỠNG <i>MAINTENANCE TASKS</i>	CHU KỲ BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ <i>MAINTENANCE LEVEL</i>							
		01 Tháng		03 Tháng		06 Tháng		12 Tháng	
I.	Phần đặc chủng/ <i>Specialized Device</i>								
1.	Động cơ và nền xe / <i>Engine and vehicle</i>								
1.1.	Các đường khí nén	I		I		I		I	
1.2.	Rò rỉ chất lỏng dưới gầm xe	I		I		I		I	
1.3.	Rò rỉ chất lỏng, dầu, nước làm mát	I		I		I		I	
1.4.	Hư hỏng thấy được dưới gầm xe	I		I		I		I	
1.5.	Momen xoắn khung xe	I		I		I		I	
1.6.	Bulong ghép khung xe	I		I		I		I	
1.7.	Tình trạng thắt chặt và hư hỏng của các thiết bị hỗ trợ	I		I		I		I	
1.8.	Những hư hỏng và bụi bẩn hệ thống chiếu sáng, vệ sinh nếu cần	I		I		I		I	
1.9.	Tình trạng hư hỏng của mô tơ gạt nước kính chắn gió và chổi gạt nước, mô tơ gạt nước và chổi gạt nước kính vòi phun	I		I		I		I	
1.10.	Chức năng mô tơ gạt nước và chổi gạt nước	I		I		I		I	
1.11.	Mức chất lỏng rửa kính	I		I		I		I	
1.12.	Tình trạng an toàn của các cửa	I		I		I		I	
1.13.	Rò rỉ dầu tại những bánh răng hành tinh	I		I		I		I	
1.14.	Kiểm tra các bộ phận treo cầu xe	I		I		I		I	
1.15.	Hư hỏng các ống phanh và các xy lanh phanh	I		I		I		I	
1.16.	Những hư hỏng các lốp xe	I		I		I		I	
1.17.	Những vết phồng trên lốp và áp suất đúng của lốp	I		I		I		I	

1.18.	Kiểm tra tình trạng lỏng và mất bulong bánh xe và bulong mâm xe	I		I		I		I	
1.19.	Kiểm tra tình trạng an toàn bình ắc qui, dây điện , vỏ bình ắc qui	I		I		I		I	
1.20.	Kiểm tra mức dầu trợ lực lái trong bình chứa	I		I		I		I	
1.21.	Kiểm tra mức dầu bôi trơn động cơ	I		I		I		I	
1.22.	Kiểm tra tình trạng lỏng các kết nối, rò rỉ và chặn bản của động cơ	I		I		I		I	
1.23.	Kiểm tra hệ thống khí xả	I		I		I		I	
1.24.	Kiểm tra bộ lọc tách nước nhiên liệu, xả nếu có nước	I&D		I&D		I&D		I&D	
1.25.	Kiểm tra sự đổi màu của bát lọc tách nước	I		I		I		I	
1.26.	Tình trạng an toàn của rắc cấm nguồn	I		I		I		I	
1.27.	Kiểm tra bụi bẩn, đóng cặn, rò rỉ bên ngoài của két giải nhiệt và két làm mát	I&C		I&C		I&C		I&C	
1.28.	Kiểm tra hư hỏng và bụi bẩn, đóng cặn của đường ống hút két giải nhiệt và két làm mát	I		I		I		I	
1.29.	Kiểm tra tình trạng an toàn của nắp thùng nhiên liệu/Fuel tank cap for safe condition	I		I		I		I	
1.30.	Kiểm tra chỉ số báo bụi bẩn trên lọc gió	I		I		I		I	
1.31.	Kiểm tra tình trạng của quạt sưởi và quạt lạnh	I		I		I		I	
1.32.	Kiểm tra chức năng camera và âm thanh cảnh báo khi lùi xe	I		I		I		I	
1.33.	Kiểm tra tình trạng hoạt động của máy lạnh sau ít nhất 10 phút hoạt động	I		I		I		I	
1.34.	Kiểm tra các đường ống và các kẹp ống	I		I		I		I	
1.35.	Kiểm tra dây cuaroa động cơ	I		I		I		I	
1.36.	Kiểm tra máy phát điện và bình ắc qui	I		I		I		I	
1.37.	Kiểm tra dầu hộp số	I		I		I		I	

1.38.	Kiểm tra hệ thống treo	I		I		I		I	
1.39.	Kiểm tra dầu cầu	I		I		I		I	
1.40.	Kiểm tra bộ bôi trơn trung tâm của cầu xe	I		I		I		I	
1.41.	Kiểm tra lực siết các bulong bánh xe và mâm xe	I		I		I		I	
1.42.	Kiểm tra bộ xả hơi	I		I		I		I	
1.43.	Kiểm tra trống phanh và má phanh	I		I		I		I	
1.44.	Kiểm tra hệ thống lái	I		I		I		I	
1.45.	Kiểm tra mức dầu lái trong bình chứa	I		I		I		I	
1.46.	Xả đáy bình chứa khí nén	D		D		D		D	
1.47.	Kiểm tra chống đông hệ thống làm mát	I		I		I		I	
1.48.	Kiểm tra kết nối của các đường ống dầu thủy lực	I		I		I		I	
1.49.	Kiểm tra lớp phủ chống rỉ sét dưới gầm và khoang	I		I		I		I	
1.50.	Kiểm tra sự gắn chặt và chức năng hoạt động của các ống khí (phụộc nhún)	I		I		I		I	
1.51.	Bơm mỡ các chốt của hệ thống lái	L		L		L		L	
1.52.	Bôi trơn thanh ray và các trục cardan	L		L		L		L	
1.53.	Thay nhớt động cơ và lọc nhớt động cơ	I		R		I		R	
1.54.	Thay lọc thông hơi động cơ	I		R		I		R	
1.55.	Thay thế hộp hút ẩm của bộ phận sấy khí	I		R		I		R	
1.56.	Thay lọc nhiên liệu tinh	I		R		I		R	
1.57.	Thay bộ lọc tách nước	I		I		I		R	
1.58.	Thay lọc gió	I		I		I		R	
1.59.	Thay dầu hộp số	I		I		I		R	
1.60.	Thay dầu cầu	I		I		I		R	
1.61.	Thay dầu lái	I		I		I		R	
1.62.	Thay nước làm mát	I		I		I		R	
1.63.	Thay chổi gạt nước	I		R		I		R	

1.64.	Thay dây cuaroa	I		I		I		R	
2.	Các bộ phận chuyên dùng và hệ thống công tác đặc chủng/specialized working system								
2.1.	- Guồng bơm	I		I		I		I	
2.2.	- Hộp truyền động bơm	I		I		I		I	
2.3.	- Nhớt hộp truyền động bơm	I		R		I		R	
2.4.	- Bơm môi/ priming pump	R		R		R		R	
2.5.	- Van một chiều bơm môi	M		M		M		M	
2.6.	- Dây cuaroa bơm môi	I		I		I		R	
2.7.	- Trục truyền động bơm	I		I		I		I	
2.8.	- Lọc tách nước khỏi van hơi	C		C		C		C	
2.9.	- Cực dương	I		I		I		I	
2.10.	- Bồn chứa nước	I		D		I		D	
2.11.	- Bồn chứa foam	I		I		I		D	
2.12.	- Bồn chứa bột	I		I		I		I	
2.13.	- Các đường ống nước, ống foam	I		I		I		I	
2.14.	- Hệ thống van tay, van điện đóng mở đường ống	I		I		I		I	
2.15.	- Hệ thống van chia tỷ lệ	I		I		I		I	
2.16.	- Các đường ống dẫn hơi	I		I		I		I	
2.17.	- Các đầu ống kết nối với bên ngoài	I		I		I		I	
2.18.	- Các công tắc điều khiển	I		I		I		I	
2.19.	- Hệ thống các đồng hồ, phao chỉ báo	I		I		I		I	
2.20.	- Các vòi phun trên nóc, trước cabin, hai bên hông	I		I		I		I	
2.21.	- Hệ thống phun nước	I		I		I		I	
2.22.	- Hệ thống trộn foam	I		I		I		I	
2.23.	- Hệ thống phun bột	I		I		I		I	
2.24.	- Áp suất phun nước	I		I		I		I	

2.25.	- Áp suất của hệ thống bột	I		I		I		I	
2.26.	- Hệ thống cài PTO	I		I		I		I	
2.27.	- Hệ thống báo động	I		I		I		I	
2.28.	- Tình trạng an toàn các cửa khoang								
1.	Các thiết bị an toàn/ <i>Safety equipment</i>								
11.1.	- Công tắc khẩn cấp(nếu có)	I		I		I		I	
11.2.	- Đèn quay	I		I		I		I	

Giải thích :

- I (*Inspection*) : Kiểm tra nếu phát hiện hư hỏng thì sửa chữa hoặc thay thế
- I* (*Release for inspection*) : Tháo, kiểm tra nếu phát hiện hư hỏng thì sửa chữa hoặc thay thế
- T (*Tighten*) : Siết chặt
- A (*Adjust*): cân chỉnh
- D (*Drain*) : Xả cặn
- R (*Replace*) : Thay mới
- L (*Lubrication*) : Kiểm tra, bôi trơn hoặc bơm mỡ
- C (*Clean*) : Kiểm tra, làm sạch nếu phát hiện hư hỏng thì sửa chữa hoặc thay thế
- M (*Measure*) : Đo hoặc kiểm tra thông số và ghi kết quả kiểm tra (*measuring and recording into the form*).

Các hạng mục khác (other items): Đánh dấu ✓ nếu đạt; dấu X nếu không đạt và phải ghi nhận vào phần ghi chú kết quả khắc phục.